

Số: 39/2018/QĐST-HNGĐ

B, ngày 08 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa:

** Nguyên đơn:* Chị Hứa Thị H, sinh năm 1988;

** Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Địa chỉ: T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tổng Văn M - Phó giám đốc Phòng giao dịch.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hứa Thị H và anh Hoàng Văn T.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Hứa Thị H và bị đơn anh Hoàng Văn T thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Giao con chung tên là Hoàng Thị L, sinh ngày 11/3/2007, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của con chung).

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Hứa Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (một triệu đồng)/ 01 tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B toàn bộ số tiền nợ gốc là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi phát sinh hàng tháng tương ứng với số tiền nợ gốc phải trả theo hồ sơ vay vốn.

* Về án phí: Chị Hứa Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 03624 ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chị Hứa Thị H đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- UBND xã B (01b);
- Các đương sự (02b);
- Người có QLNVLQ (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu VP (01b).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nguyệt Thu